

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **89/2018/HNGĐ-ST**
Ngày: 26 - 10 - 2018
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Phú Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Phúc;
2. Bà Nguyễn Thị Bích Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thân Thị Trang Nhung là Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 425/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1986; nơi cư trú: Tổ 19, ấp D, xã D, huyện A, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

2/ Bị đơn: Anh Trương Văn C, sinh năm 1986; nơi cư trú: Tổ 19, ấp D, xã D, huyện A, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02 tháng 7 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị B trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh C tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 2005 và có đăng ký kết hôn vào năm 2014 tại UBND xã D, huyện A, tỉnh Tây Ninh. Cuộc sống vợ chồng giữa chị và anh C ban đầu cũng hạnh phúc, đến năm 2017 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng cãi nhau thường xuyên và ly thân từ cuối năm 2017. Nguyên nhân phát sinh các mâu thuẫn là do vợ chồng không cùng quan điểm sống, không tin tưởng lẫn nhau và do anh C không chung thủy với chị.

Do mâu thuẫn kéo dài, vợ chồng ly thân đã lâu nên nay chị yêu cầu được ly hôn với anh C.

- Về con chung: Chị và anh C chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Trương Thúy Hương, sinh ngày 04/7/2006 và cháu Trương Văn Hạo, sinh ngày 19/8/2011. Nếu chị và anh C ly hôn chị có nguyện vọng muốn được nuôi hai con chung là cháu Hương và cháu Hạo.

Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án chị có yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi cháu Hương, cháu Hạo mỗi cháu 750.000 đồng/tháng. Vào ngày 17/9/2018 chị thay đổi yêu cầu khởi kiện và xác định không có yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị B không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Trương Văn C trình bày:

- Về hôn nhân: Anh thống nhất với trình bày của chị B về việc anh và chị B tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 2005 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện A, tỉnh Tây Ninh vào năm 2014. Cuộc sống vợ chồng giữa anh và chị B ban đầu cũng hạnh phúc, đến năm 2017 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng cãi nhau thường xuyên và ly thân từ cuối năm 2017. Nguyên nhân vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp tính tình, luôn bất đồng ý kiến khi giải quyết công việc gia đình. Nay chị B khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh thì anh đồng ý. Ý kiến này do anh tự nguyện và không bị ai ép buộc.

- Về con chung: Anh và chị B chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Trương Thúy Hương, sinh ngày 04/7/2006 và cháu Trương Văn Hạo, sinh ngày 19/8/2011. Nếu anh và chị B ly hôn anh đồng ý để chị B nuôi cháu Hương và cháu Hạo nhưng anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh C không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng: Những người tham gia tố tụng và tiến hành tố tụng trong vụ án đã chấp hành đúng quy định pháp luật khi giải quyết, xét xử vụ án.

- Do chị Nguyễn Thị B và anh Trương Văn C là nguyên đơn, bị đơn trong vụ án đã có đơn yêu cầu Tòa án tiến hành giải quyết, xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị B và anh C.

- Về việc giải quyết nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Áp dụng Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 146, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử: Ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị B và anh Trương Văn C.

+ Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị B và anh C. Giao cháu Trương Thúy Hương, sinh ngày 04/7/2006 và cháu Trương Văn Hạo, sinh ngày

19/8/2011 cho chị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. chị B không có yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị B và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Chị Nguyễn Thị B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về tố tụng: Do chị Nguyễn Thị B và anh Trương Văn C là nguyên đơn, bị đơn trong vụ án đã có đơn yêu cầu Tòa án tiến hành giải quyết, xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị B và anh C.

* Về nội dung vụ án:

[1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị B và anh Trương Văn C tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn vào năm 2014, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị B thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án chị B và anh C đều thừa nhận trong khoảng thời gian trong năm 2017 anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau và ly thân từ cuối năm 2017 cho đến nay, chị B yêu cầu ly hôn anh C cũng đồng ý, ý kiến này do anh tự nguyện và không bị ai ép buộc. Xét thấy việc thuận tình ly hôn của chị B và anh C là tự nguyện, không trái pháp luật nên căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2] Về con chung: Chị B và anh C thống nhất có 02 con chung là cháu Trương Thúy Hương, sinh ngày 04/7/2006 và cháu Trương Văn Hạo, sinh ngày 19/8/2011. Hội đồng xét xử xét thấy khi giải quyết vụ án chị B và anh C thống nhất sẽ giao các cháu Trương Thúy Hương và Trương Văn Hạo cho chị B được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Ý kiến này do chị B, anh C tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của cháu Hương, cháu Hạo và cũng phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị Nguyễn Thị B và anh Trương Văn C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị B phải chịu án phí theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các B trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 228, 146, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị B và anh Trương Văn C.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Trương Thúy Hương, sinh ngày 04/7/2006 và cháu Trương Văn Hạo, sinh ngày 19/8/2011. Ghi nhận chị B không có yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn anh Trương Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm non con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung; nợ chung: Chị Nguyễn Thị B và anh Trương Văn C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị B đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0025737 ngày 09 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Tây Ninh. Chị B đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho chị Nguyễn Thị B và anh Trương Văn C biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THA DS huyện A;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án văn (s).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Phú Sang

